

3. Luật Bình đẳng giới;
4. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
5. Pháp lệnh về án phí, lệ phí tại Tòa án nhân dân;
6. Pháp lệnh Cựu chiến binh.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004.

2. Các cơ quan soạn thảo, trình dự án luật, pháp lệnh có kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể để bảo đảm các dự án được trình đúng tiến độ, có chất lượng và bảo đảm ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có kế hoạch chủ động phối hợp với các cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan hữu quan khác để nâng cao chất lượng dự án, báo cáo thẩm tra và giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc tiếp thu, chỉnh lý các dự án luật, pháp lệnh; tăng cường giám sát việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh.

4. Chính phủ có biện pháp đẩy mạnh việc tuyên truyền, giới thiệu pháp luật để mọi cơ quan, tổ chức và mọi người dân hiểu và thi hành thống nhất.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước

*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26
tháng 11 năm 2003. /.*

Chủ tịch Quốc hội

NGUYỄN VĂN AN

CHỦ TỊCH NƯỚC

**LỆNH của Chủ tịch nước số
21/2003/L-CTN ngày 10/12/2003
về việc công bố Luật Tổ chức
Hội đồng nhân dân và Ủy ban
nhân dân.**

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của
Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa
đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/
QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của
Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Điều 91 của Luật Tổ chức
Quốc hội;*

*Căn cứ vào Điều 50 của Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật,*

NAY CÔNG BỐ:

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam Khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003./.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

LUẬT Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

(số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003).

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hội đồng nhân dân là cơ quan

quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước.

Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

Điều 2. Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương,